

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 02 -2020

*(V/việc xin ly hôn)*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng tâm

Ông Nguyễn Văn Chiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Huyền Trang – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Mỹ L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

**- Bị đơn:** Anh Võ Thanh S, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số 265, đường L, khóm H, phường M, Tp. C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị L trình bày, chị và anh S sống chung với nhau năm 2015, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

Ý kiến của anh S: Anh S trình bày, anh và chị L sống chung với nhau năm 2015, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện đã ly thân nhau. Anh S xác định xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh S xác định có 02 con chung tên Bùi Thái H, sinh ngày 14/3/2015 và Bùi Thái K, sinh ngày 08/4/2016 hiện cả hai đang sống với anh S. Khi ly hôn chị L, anh S thống nhất giao cháu H và cháu K cho anh S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị L tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi người con 1.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị L và anh S xác định không có.

Về nợ chung: Chị L và anh S xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Bùi Thị Mỹ L về việc xin ly hôn với anh Võ Thanh S thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh S là bị đơn có địa chỉ cư trú tại khóm H, phường M, TpC, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh S thừa nhận sống chung với nhau năm 2015, không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau. Chị L và anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu chấm dứt hôn nhân. Theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, khi có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Chị L và anh S đều thống nhất ly hôn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu, cần tuyên bố không công nhận chị L và anh S là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L và anh S xác định có 02 con chung tên Bùi Thái H, sinh ngày 14/3/2015 và Bùi Thái K, sinh ngày 08/4/2016 hiện cả hai đang sống với anh S. Khi ly hôn chị L, anh S thống nhất giao cháu H và cháu K cho anh S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị L tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi người con 1.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận về người nuôi dưỡng con chung và việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn của chị L và anh S là phù hợp với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh S xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L và anh S xác định không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị L nộp, án phí về cấp dưỡng do các đương sự thỏa thuận mức cấp dưỡng tại cuộc hòa giải nên chịu ½ án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ của chị Bùi Thị Mỹ L và anh Võ Thanh S là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thái H, sinh ngày 14/3/2015 và Bùi Thái K, sinh ngày 08/4/2016 (hiện đang sống chung với anh S) cho anh S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chỉ nhận sự tự nguyện của chị L về việc cấp dưỡng cho mỗi người con 1.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Kể từ ngày anh S có đơn yêu cầu, chị L có nghĩa vụ tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, trường hợp không thi hành hoặc chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Luật thi hành án.

Chị L không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị L và anh S xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị L và anh S xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình chị L nộp 300.000đ. Vào ngày 07/01/2020, chị L đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0001281 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp Cà Mau được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Án phí cấp dưỡng chị L nộp 150.000đ (chưa nộp).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(ĐÃ KÝ)

**Diệp Chí Nguyễn**